

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)



MÔN: TIẾNG ANH

A. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Hình thức thi: 100 % trắc nghiệm khách quan một lựa chọn.
- Thời gian thi: 60 phút
- Số câu trong đề thi: 40 câu
- Giới hạn kiến thức: Đảm bảo yêu cầu cần đạt của kiến thức Tiếng Anh Lớp 9
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

I. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group.

2 câu

II. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose main stress position is placed differently from that of the others in each group.

2 câu

III. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word.

2 câu

IV. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word.

2 câu

V. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word or phrase that completes each of the sentences.

12 câu (2 word choice, word form, idiom, 2 simple communication, conjunctions, relative clause, verb tense, verb form, prepositions, phrasal verb)

VI. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the part that is incorrect.

2 câu (Subject and Verb agreement, Quantifiers, Articles, Relative clauses, Word form)

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that completes each of the blanks.

Bài đọc từ 150-200 từ

5 câu hỏi lựa chọn điền vào chỗ trống (Excluding verb tense, verb form, word form, relative pronouns, prepositions)

VIII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions that follow.

Bài đọc từ 200-250 từ

5 câu hỏi lựa chọn câu trả lời đúng (In which there must be ONE question for general information)

KT



M

IX. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is CLOSEST in meaning to the original one.

4 câu (*Reported Speech, Adverbial clauses, Conditional sentences – Types 1, 2, Passive voice.*)

X. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is BEST written from the words/phrases given.

4 câu (*Wish sentence, Relative clause, Comparison, Used to, Adjective + to-V/ + that-clause*)

_____ *ks*





CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

MÔN: TIẾNG NGA

A. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Hình thức: 100% trắc nghiệm khách quan một lựa chọn
- Thời gian: 60 phút
- Số câu trong đề thi: 40 câu, mỗi câu 0.25 điểm
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) là từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại.

2 câu

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) là từ có vị trí trọng âm khác với các từ còn lại.

2 câu

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống.

15 câu

Chọn phương án trả lời đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong tình huống sau.

2 câu

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) để tìm lỗi sai trong các câu sau.

3 câu

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau.

5 câu

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc.

5 câu

Chọn phương án (ứng với A hoặc B, C, D) với các câu đã cho.

3 câu

Chọn phương án đặt câu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) từ các từ cho sẵn.

3 câu



PHẠM VI KIẾN THỨC

| DẠNG BÀI | YẾU TỐ CẦN KIỂM TRA | SỐ CÂU | SỐ ĐIỂM |
|-----------------------|--|--------|---------|
| 1. ФОНЕТИКА | - Произношение | 02 | 0.5 |
| | - Ударение | 02 | 0.5 |
| 2. ЛЕКСИКО-ГРАММАТИКА | - Имя существительное - Имя прилагательное - Глагол (спряжение) - Местоимение | 15 | 3.75 |

| DẠNG BÀI | YẾU TỐ CẦN KIỂM TRA | SỐ CÂU | SỐ ĐIỂM |
|-----------------------|---|-----------|-----------|
| | - Наречие - Числительное | | |
| 3. ГОВОРЕНИЕ | - Коммуникативная ситуация | 02 | 0.5 |
| 4. ИСПРАВЛЕНИЕ ОШИБОК | - Предлог - Союз | 03 | 0.75 |
| 5. ЧТЕНИЕ | - Дополнение текста + Словосочетание + Лексика | 05 | 1.25 |
| | - Чтение текста + Выбор ответов на вопросы + Главное содержание | 05 | 1.25 |
| 6. ПИСЬМО | - Составление предложений из данных слов | 03 | 0.75 |
| | - Синонимичные конструкции | 03 | 0.75 |
| TỔNG SỐ | | 40 | 10 |



CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

MÔN: TIẾNG PHÁP

A. QUY ĐỊNH CHUNG

- Hình thức thi: 100% trắc nghiệm khách quan một lựa chọn.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Số câu trong đề thi: 40 câu (mỗi câu 0.25 điểm)
- Giới hạn kiến thức: Chương trình chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 9, không ra đề vào nội dung "giảm tải".
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

I. Vocabulaire

1a. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le mot de même sens / de sens opposé que le mot souligné. (3 câu)

1b. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le mot de même famille que le mot souligné. (3 câu)

II. Grammaire

2. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le déterminant (article, adjectif possessif, adjectif démonstratif, adjectif indéfini) correct. (3 câu)

3. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le pronom (complément, démonstratif, relatif, indéfini) correct. (3 câu)

4. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le mot interrogatif correct. (2 câu)

5. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer la forme verbale (temps, mode) correcte. (6 câu)

6. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer le connecteur logique correct: cause/ conséquence/ but (sauf pour que opposition/ concession (sauf bien que)/ condition/ hypothèse. (2 câu)

7. Choisir la lettre A, B, C ou D pour compléter la phrase donnée avec la proposition subordonnée correspondante (cause, conséquence, but, condition, opposition) (2 câu)

8. Choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer la phrase négative / affirmative correspondant à la phrase donnée. (2 câu)

III. Expression écrite

9. Choisir la lettre A, B, C ou D pour trouver la phrase passive / active correspondante à la phrase donnée. (2 câu)

10. Choisir la lettre A, B, C ou D pour trouver la phrase directe / indirecte correspondante à la phrase donnée. (2 câu)

IV. Comprehension écrite

11. Texte 1 : Lire le texte et choisir la lettre A, B, C ou D pour compléter le texte.

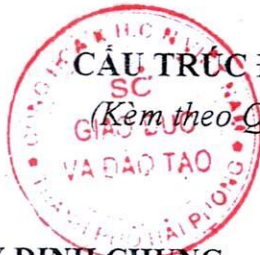
(Bài đọc 1 : từ 100 đến 150 từ, câu hỏi lựa chọn điền vào chỗ trống). (5 câu)

12. Texte 2 : Lire le texte et choisir la lettre A, B, C ou D pour indiquer la solution correcte à chaque question.

(Bài đọc 2 : từ 150 đến 200 từ, câu hỏi lựa chọn đáp án đúng). (5 câu)

| Dạng bài | Yếu tố cần kiểm tra | Số câu | Số điểm |
|----------------------|--|-----------|-----------|
| Vocabulaire | Synonyme, antonyme | 3 | 1,5 |
| | Famille de mots | 3 | |
| Grammaire | Déterminants | 3 | 5,0 |
| | Pronoms | 3 | |
| | Mots interrogatifs | 2 | |
| | Formes verbales | 6 | |
| | Connecteurs logiques | 4 | |
| | Négation/Affirmation | 2 | |
| Comprehension écrite | Texte de closure avec des mots proposés. | 5 | 2,5 |
| | Texte à réponses fermées (QCM) | 5 | |
| Expression écrite | Phrase active/ passive | 2 | 1,0 |
| | Phrase directe/indirecte | 2 | |
| Tổng số | | 40 | 10 |





CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC

A. QUY ĐỊNH CHUNG

- Hình thức thi: 100% trắc nghiệm khách quan một lựa chọn
- Thời gian thi: 60 phút
- Số câu trong đề thi: 40 câu
- Giới hạn kiến thức: Chương trình chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 9; không ra đề vào nội dung "giảm tải"
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. 请在A、B、C、D四个选项选择一个正确的答案填空。

- Ngữ âm: 03 câu
- Chữ Hán: 02 câu
- Ngữ pháp: 15 câu (thực từ: 05 câu, hư từ: 05 câu, cú pháp: 02 câu, câu phức: 03 câu)

2. 请在A、B、C、D四个选项选择一个正确的词语位置。

- Ngữ pháp: 05 câu (từ: 03 câu, cụm từ: 02 câu)

3. 每个句子中都有一个画线的词或短语，请在A、B、C、D四个选项选择一个正确的答案。

- Giải thích từ: 03 câu
- Giải thích cụm từ: 02 câu

4. 根据短文的内容，在A、B、C、D四个选项选择一个正确的答案填空。

- Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống: 05 câu
- Nội dung văn bản đọc có độ dài từ 150 đến 250 chữ Hán

5. 根据短文的内容，在A、B、C、D四个选项选择一个正确的答案。

- Chọn phương án đúng trả lời câu hỏi: 05 câu
- Nội dung văn bản đọc có độ dài từ 150 đến 250 chữ Hán

Đề thi có 40 câu;

Mỗi câu đúng 0.25 điểm;

Tổng điểm: 10 điểm

40



CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

MÔN: TIẾNG NHẬT

A. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Hình thức thi: 100% trắc nghiệm khách quan một lựa chọn.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Số câu trong đề thi: 40 câu (mỗi câu 0,25 điểm); Tổng điểm là 10 điểm.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình chuẩn kỹ năng THCS, không ra đề vào nội dung giảm tải.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

| Nội dung | Số câu |
|---|--------|
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B,C,D) cho cách đọc hoặc cách viết bằng chữ Hán của phân gạch chân. | 5 |
| Chọn cách dùng từ đúng (ứng với A hoặc B,C,D) | 3 |
| Chọn câu có nghĩa tương đương (ứng với A hoặc B,C,D) | 3 |
| Chọn trợ từ thích hợp (ứng với A hoặc B,C,D) | 5 |
| Chọn dạng đúng của các từ loại như động từ, tính từ, phó từ, liên từ ... (ứng với A hoặc B,C,D) | 5 |
| Chọn các cấu trúc ngữ pháp hoặc tình huống hội thoại phù hợp (ứng với A hoặc B,C,D) | 5 |
| Tìm một lỗi sai trong câu (ứng với A hoặc B,C,D) | 3 |
| Sắp xếp câu sao cho câu có ý nghĩa bằng cách chọn (A hoặc B,C,D) ứng với vị trí dấu "*" | 5 |
| Đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B,C,D) để điền vào chỗ trống (Đoạn văn ngắn từ 100~150 chữ) | 3 |
| Đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B,C,D) để trả lời cho các câu hỏi (Đoạn văn ngắn từ 150~200 chữ) (Chọn đáp án phù hợp hoặc không phù hợp với nội dung của 1 đoạn văn trong bài đọc hoặc với toàn bài đọc...) | 3 |

ht

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)



MÔN: TIẾNG HÀN QUỐC

A. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Hình thức thi: 100 % trắc nghiệm khách quan một lựa chọn.
- Thời gian thi: 60 phút
- Số câu trong đề thi: 40 câu, mỗi câu 0.25 điểm
- Giới hạn kiến thức: Chương trình chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 9 (Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

| Nội dung | Số câu |
|---|---|
| Chọn cách phát âm đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của các từ sau. | 2 câu (nói âm, biến âm) |
| Chọn cách viết giãn cách đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của câu sau. | 1 câu |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống trong các câu sau. | 8 câu (2 명사, 2 동사, 2 형용사, 1 부사, 1 접속부사) |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để tìm từ ĐỒNG NGHĨA hoặc TRÁI NGHĨA với từ gạch chân trong câu sau. | 2 câu (유의어, 반의어) |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống trong các câu sau. | 9 câu (3 조사, 2 연결어미, 3 표현, 1 높임말) |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu sau. | 6 câu (3 viết lại câu, 3 nói câu) |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành các hội thoại sau. | 2 câu |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào vào chỗ trống trong đoạn văn sau. | Bài đọc từ 100-150 từ 5 câu hỏi lựa chọn điền vào chỗ trống (동사, 명사, 형용사, 부사, 접속부사 등등) |
| Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc. | Bài đọc từ 150-200 từ 5 câu hỏi lựa chọn câu trả lời đúng (3 câu chọn chi tiết, 1 câu gạch chân, 1 câu chủ đề) |

kt